UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI **TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 953 /QĐ-TTPVHCC	*Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Giảm nghèo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường số: 967/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực giảm nghèo; 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; 2306/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền công bố danh mục Thủ tục hành chính, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 3807/SNNMT-VP ngày 26/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 10 thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quảm lý nhà nước Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội. Trong đó, 04 Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, 06 Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã, trên địa bàn thành phố Hà Nội. (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

Các Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này thay thế các Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 719/QĐ-TTPVHC ngày 08/5/2025 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội.

Điều 3. Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, cơ quan tương đương Sở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND Thành phố; } (để b/cáo)
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố; }
- Công thông tin điện tử Thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm PVHCC: GĐ, các PGĐ, Phòng: HCQT, TCT, KSTTHC;
- Lưu: VT, KSTTHC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Cù Ngọc Trang

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, GIẢM NGHÈO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 953/ QĐ-TTPVHCC ngày 27/ 6 /2025 của Trung tâm phục vụ Hành chính công thành phố Hà Nội)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI (04 TTHC), (TTHC cấp tỉnh)

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
01	01	Công nhận làng nghề truyền thống (1.003727)	29 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Hà Nội, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả Tòa nhà liên cơ số 258 Võ Chí Công, thành phố Hà Nội.	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ*); - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025của Chính phủ*); - Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường *(sau đây gọi tắt là Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và*

						Môi trường); - Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn(*sau đây gọi tắt là Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội*); - Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội; (*sau đây gọi tắt là Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội*); - Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và môi trường Hà Nội *(sau đây gọi tắt là Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội);*
02	02	Công nhận nghề truyền thống (1.003712)	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Hà Nội, Địa điểm tiếp nhận và trả kết	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau:	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025

				quả Tòa nhà liên cơ số 258 Võ Chí Công, thành phố Hà Nội.	- Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	của Chính phủ; - Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
03	03	Công nhận làng nghề (1.003695)	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Hà Nội, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả Tòa nhà liên cơ số 258 Võ Chí Công, thành phố Hà Nội.	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025của Chính phủ; - Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội); - Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
04	04	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh) (1.003397)	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công Hà Nội, Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả Tòa nhà liên cơ số 258 Võ Chí Công, thành phố Hà Nội.	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp *(sau đây gọi tắt là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ);* - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025của Chính phủ; - Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày

						23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường; Khuyến nông; Thủy lợi; Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Tài nguyên nước; Môi trường; Địa chất và khoáng sản; Ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội (*sau đây gọi tắt là Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội*); - Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
05	01	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã) (1.003434)	18 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố - Chi nhánh số 1; Điểm tiếp nhận phục vụ hành chính công cấp xã	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025của Chính phủ; - Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

06	02	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm (1.011606)	Rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm.	Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố - Chi nhánh số 1; Điểm tiếp nhận phục vụ hành chính công cấp xã	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 *(sau đây gọi tắt là Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ);* - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025của Chính phủ; -Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/07/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo (*sau đây gọi tắt là Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/07/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);* -Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống

						trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo *cáo (sau đây gọi tắt là Thông tư Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*; -Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và giảm nghèo; -Quyết định số 2306/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
07	03	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm (1.101607)	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố - Chi nhánh số 1; Điểm tiếp nhận phục vụ hành chính công cấp xã	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/07/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp

						và Môi trường *(sau đây gọi tắt là Quyết định số 976/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).*
08	04	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm (1.011608)	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố - Chi nhánh số 1; Điểm tiếp nhận phục vụ hành chính công cấp xã	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/07/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
09	05	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (1.011609)	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố - Chi nhánh số 1; Điểm tiếp nhận phục vụ hành chính công cấp xã	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Luật số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020, Luật Cư trú năm 2020; - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/07/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
10	06	Công nhận người lao động	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố - Chi nhánh số 1; Điểm	Hồ sơ gửi bằng một trong các	-Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2015/NĐ-CP ngày

		có thu nhập thấp		tiếp nhận phục vụ hành chính công cấp xã	hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	21/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2025. - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; -Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/07/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.